TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thanh;

Ông Trần Văn Triều.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 422/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 794/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Số 443/203 đường LVS, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Tran Nguyen V, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú tại nước Canada: 364 2E Ave App 2 Lle Perrot J7 V4 Z7 Quebec, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, Việt Nam, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2012, vào sổ đăng ký kết hôn số 3404 quyển số 18 ngày 28/12/2012.

Sau khi kết hôn, ông Tran Nguyen V trở về nước Canada sinh sống và làm việc, bà Nguyễn Thị Thùy T vẫn sinh sống tại Việt Nam. Do khoảng cách về địa lý, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông Tran Nguyen V đã về Việt Nam vài lần nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn, từ năm 2020 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nhận thấy

hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu được ly hôn với ông Tran Nguyen V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Tran Nguyen V trình bày:

Tại bản khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 20/01/2023, ông Tran Nguyen V thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày. Ông Tran Nguyen V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Tran Nguyen V trình bày không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Tran Nguyen V đang cư trú tại nước Canada không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T tại Việt Nam, ông Tran Nguyen V yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam xét xử vắng mặt ông Tran Nguyen V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Tran Nguyen V, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Tran Nguyen V đang cư trú tại nước Canada nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T, bị đơn ông Tran Nguyen V tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Tran Nguyen V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T đối với bị đơn ông Tran Nguyen V, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2012, vào sổ đăng ký kết hôn số 3404 quyển số 18 ngày 28/12/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố H, Việt Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen Vlà hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn ông Tran Nguyen V với lý do sau khi kết hôn, ông Tran Nguyen V trở về nước Canada sinh sống và làm việc, bà Nguyễn Thị Thùy T vẫn sinh sống tại Việt Nam. Do khoảng cách về địa lý, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông Tran Nguyen V đã về Việt Nam vài lần nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn, từ năm 2020 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Đối với ông Tran Nguyen V cũng thừa nhận trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy T là đúng và đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy T. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T ly hôn ông Tran Nguyen V theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Tran Nguyen V:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thùy T ly hôn ông Tran Nguyen V.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2012, vào sổ đăng ký kết hôn số 3404 quyển số 18 ngày 28/12/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố H, Việt Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Tran Nguyen V không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002809 ngày 05/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H, Việt Nam.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Tran Nguyen V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức